

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018
và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

I. Thu ngân sách: Tổng thu NSNN năm 2018 ước thực hiện 1.003.204 triệu đồng, đạt 198% dự toán Tỉnh giao và tăng 49% so với thực hiện năm 2017.

1. Thu NSNN trên địa bàn: Ước thực hiện 468.883 triệu đồng, đạt 241% dự toán Tỉnh giao và bằng 174% so với thực hiện năm 2017. Nếu trừ chỉ tiêu thu tiền cấp quyền sử dụng đất thì thu thường xuyên ước thực hiện 89.981 triệu đồng, đạt 91% dự toán và bằng 93% so với thực hiện năm 2017.

Trong 11 khoản thu có 8 khoản thu đạt và vượt dự toán, đó là: Thu từ doanh nghiệp trung ương, thu từ doanh nghiệp địa phương, các khoản thu tại xã, thu tiền cấp quyền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Có 3 khoản thu không đạt dự toán, đó là: Thu từ khu vực công thương nghiệp NQD, thu phí và lệ phí, thu khác ngân sách.

2. Thu kết dư ngân sách năm 2017 chuyển sang: 50.255 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách huyện: 980 triệu đồng.

- Ngân sách xã: 49.275 triệu đồng.

3. Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh: 407.468 triệu đồng, bao gồm:

- Bổ sung cân đối: 311.968 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu: 95.500 triệu đồng.

4. Thu chuyển nguồn theo chế độ quy định: 76.598 triệu đồng.

II. Chi ngân sách huyện: Ước thực hiện 551.965 triệu đồng đạt 135% dự toán và tăng 14% so với thực hiện năm 2017. Trong đó:

1. Chi đầu tư XDCB: Ước thực hiện 18.000 triệu đồng đạt 150% dự toán và tăng 137% so với thực hiện năm 2017.

2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện 533.965 triệu đồng đạt 136% dự toán và tăng 12% so với thực hiện năm 2017.

III. Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã:

1. **Thu ngân sách xã:** Ước thực hiện 301.746 triệu đồng đạt 273% so với dự toán và tăng 10% so với thực hiện năm 2017. Trong đó:

- Thu thường xuyên: 19.840 triệu đồng.
- Thu từ nguồn cấp quyền sử dụng đất: 87.800 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 194.106 triệu đồng.

2. **Chi ngân sách xã:** Ước thực hiện 249.445 triệu đồng đạt 222% dự toán và bằng 112% so với thực hiện năm 2017. Trong đó:

- Chi XDCB: 140.974 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 108.471 triệu đồng.

Phần thứ hai

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

- Năm 2019 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020, là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp.

- Dự toán thu ngân sách phải đảm bảo tính khả thi, an toàn cao, bao quát nguồn thu, phù hợp với khả năng tăng trưởng kinh tế của địa phương. Việc phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu ngân sách nhà nước năm 2019 cho các cấp ngân sách được thực hiện theo Nghị Quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Dự toán giao chi thường xuyên NSNN: Năm 2019 cơ bản thực hiện như dự toán năm 2018, chỉ tính tăng do điều chỉnh mức lương tối thiểu từ 1.300.000 đồng/tháng lên 1.390.000 đồng/tháng và các chế độ chính sách mới do trung ương và tỉnh ban hành.

+ Dự toán chi ngân sách đối với các cơ quan, ban, ngành, các xã, thị trấn về tổng số đảm bảo không thấp hơn dự toán chi ngân sách năm 2018 đã tính bổ sung lương mới theo chế độ (trừ trường hợp nhiệm vụ chi thay đổi).

+ Dự toán chi ngân sách đối với các cơ quan, ban, ngành, các xã, thị trấn đã bao gồm tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ. Đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương tối thiểu 1.390.000 đồng, các khoản phụ cấp do Nhà nước và UBND tỉnh đã ban hành.

+ Dự toán chi cho từng lĩnh vực chi đã bao gồm nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Nhà nước và tỉnh ban hành (đã được tỉnh đảm bảo kinh phí).

Căn cứ Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách; Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND huyện quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2019; UBND huyện Quyết định phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 như sau:

I. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019.

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn HĐND huyện giao 399.450 triệu đồng. Trong đó:

+ Thu tiền cấp quyền sử dụng đất: 300.000 triệu đồng bằng dự toán Tỉnh giao, tăng 216% so với dự toán năm 2018.

+ Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản: 5.700 triệu đồng, bằng dự toán Tỉnh giao, tăng 33% so với dự toán năm 2018.

+ Các khoản thu còn lại: 93.750 triệu đồng, bằng dự toán Tỉnh giao, bằng 99% so với dự toán năm 2018.

2. Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh: 335.569 triệu đồng, gồm:

- Bổ sung cân đối ngân sách huyện: 268.207 triệu đồng.

- Bổ sung cân đối ngân sách xã: 67.362 triệu đồng.

Như vậy, tổng dự toán thu ngân sách trên địa bàn là 735.019 triệu đồng, trong đó phần ngân sách địa phương được điều hành là 494.569 triệu đồng.

II. Chi ngân sách nhà nước năm 2019.

Tổng chi ngân sách địa phương được điều hành năm 2019: 494.569 triệu đồng. Trong đó:

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 63.000 triệu đồng, bằng dự toán tỉnh giao.

2. Chi thường xuyên: 431.569 triệu đồng, tăng 5% so với dự toán năm 2018, chi tiết các khoản chi như sau:

2.1. Chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế: 6.690 triệu đồng, bằng 97% so với dự toán năm 2018.

2.2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 261.376 triệu đồng, tăng 6% so với dự toán năm 2018 và bằng dự toán tỉnh giao; chiếm 62% tổng chi thường xuyên, gồm:

a. Chi sự nghiệp Giáo dục: 258.155 triệu đồng, tăng 6% so với dự toán năm 2018, trong đó:

- Tăng kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Tăng kinh phí do điều chuyển Trung tâm Giáo dục thường xuyên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo về UBND huyện.

b. Chi sự nghiệp đào tạo: 3.221 triệu đồng, tăng 8% so với dự toán năm 2018, tăng kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP.

2.3. Chi sự nghiệp y tế: 1.101 triệu đồng, bằng dự toán năm 2018.

2.4. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 301 triệu đồng, bằng dự toán năm 2018, bằng dự toán tỉnh giao.

2.5. Chi sự nghiệp môi trường: 2.751 triệu đồng, bằng dự toán năm 2018, bằng dự toán tỉnh giao.

2.6. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 3.417 triệu đồng, bằng dự toán năm 2018.

2.7. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh: 2.000 triệu đồng, tăng 5% so với dự toán năm 2018; do tăng kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP.

2.8. Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 414 triệu đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2017; do tăng kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP.

2.9. Chi đảm bảo xã hội: 50.018 triệu đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2018; do tăng kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; tăng kinh phí để chi thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, Tết do tăng thêm đối tượng.

2.10. Chi quản lý hành chính: 85.574 triệu đồng, tăng 6% so với dự toán 2018; trong đó:

- Tăng kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Tăng kinh phí chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Tăng kinh phí nâng cao chất lượng nội dung cổng thông tin điện tử và duy trì tài khoản hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp điện tử.

2.11. Chi an ninh, quốc phòng: 7.287 triệu đồng, tăng 5% so với dự toán năm 2018; do tăng kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP.

2.12. Chi khác ngân sách: 810 triệu đồng, bằng dự toán năm 2018.

2.13. Dự phòng ngân sách: 9.830 triệu đồng.

III. Một số nội dung chủ yếu thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2019

Năm 2019, các cơ quan, ban, ngành, các xã, thị trấn trên nguyên tắc thắt chặt chi tiêu và tăng cường quản lý tài sản công, tiết kiệm chi thường xuyên, đẩy mạnh các biện pháp tăng thu để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019; UBND huyện yêu cầu:

1. Cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp, các ngành cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả, tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực: công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, thủy sản, du lịch, dịch vụ..., thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao đời sống nhân dân, tăng thu cho ngân sách, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu, chi ngân sách mà HĐND huyện thông qua và UBND huyện giao.

2. Công tác phân bổ, giao dự toán:

- Dự toán thu ngân sách huyện giao cho các xã, thị trấn là mức tối thiểu. Để đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách năm 2019, UBND các xã, thị trấn giao chỉ tiêu thu ngân sách đảm bảo mức phấn đấu tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách UBND huyện giao.

- Dự toán chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các xã, thị trấn, ngân sách tỉnh đã thực hiện trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên 2019 theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương.

- Đối với khoản thu học phí (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các đơn vị. Tuy nhiên, các đơn vị tiếp tục thực hiện tạo nguồn từ nguồn thu học phí và các khoản thu khác được để lại chi theo chế độ để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

- Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được UBND huyện giao UBND các xã, thị trấn trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn trước ngày 31/12/2018 và tổ chức thực hiện công khai dự toán ngân sách đúng quy định.

3. Tổ chức quản lý thu ngân sách nhà nước:

3.1. Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật ngân sách nhà nước. Đồng thời, lưu ý triển khai một số nội dung sau:

a. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về thuế đã được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành.

b. Triển khai các giải pháp đồng bộ thực hiện Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020. Tiếp tục triển khai thực hiện liên thông văn bản điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm

2020; Ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh,...

c. Tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 33/2008/CT-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 05/CT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thực hiện nghiêm chính sách tài khóa và các kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra.

3.2. Cơ quan Thuế tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, ...bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng đúng pháp luật, đồng thời tạo điều kiện cho người nộp thuế; thực hiện kiểm tra trước và sau hoàn thuế theo quy định của pháp luật và mức độ rủi ro; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước. Rà soát, xác định cụ thể các đối tượng đang được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật đất đai năm 2013, giao cơ quan tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, chuyển cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và đơn đốc, thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào ngân sách nhà nước.

3.3. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các xã, thị trấn thực hiện nghiêm Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 2 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công. Thực hiện rà soát, kiểm tra, đơn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức quản lý, điều hành chi ngân sách nhà nước:

Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các xã, thị trấn và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; Phòng TC-KH huyện, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó lưu ý:

4.1. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với cơ quan tài chính để chủ động bố trí vốn ngay từ đầu năm cho các dự án công trình quan trọng theo chế độ quy định, nhất là xây dựng tu bổ các công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, khắc phục hậu quả lũ lụt, dự án di dân ra khỏi vùng sạt lở nguy hiểm theo dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

4.2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2019 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

4.3. Đối với số thu tiền sử dụng đất và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trong điều hành các xã, thị trấn cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

4.4. Các cấp, các ngành chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, cấp dưới; tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các xã, thị trấn; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; hạn chế mua sắm trang thiết bị đắt tiền. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

Trường hợp phát hiện các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng ngân sách không đúng chế độ, chính sách, nhất là các chính sách liên quan đến thực hiện các chính sách xã hội, xoá đói giảm nghèo,... cần có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ thực hiện đúng đối tượng và có hiệu quả.

4.5. Chấp hành nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước theo quy định và tiến hành công khai tài chính tại các đơn vị.

4.6. Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn thu tiền sử dụng đất:

- Thu tiền sử dụng đất khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân; thu tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đã sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất tại các khu dân cư tập trung tại các xã do UBND huyện quyết định đầu tư và các điểm dân cư khác. Sau khi trừ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật (nếu có) số tiền còn lại được tính là 100% nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định, được điều tiết theo tỷ lệ và quản lý sử dụng như sau:

+ Trích 30% để điều tiết ngân sách tỉnh.

+ Trích 20% điều tiết cho các huyện, thành phố được hưởng. Trong đó: 10% để chi cho công tác qui hoạch, đo đạc địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các công việc liên quan đến quản lý đất đai cho các xã, thị trấn không có kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất; số còn lại ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng, ...

+ Trích 50% điều tiết cho ngân sách xã, thị trấn được hưởng. Trong đó: 10% để chi cho công tác qui hoạch, đo đạc địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các công việc liên quan đến quản lý đất đai; số còn lại bố trí xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và xây dựng nông thôn mới, ...

- Thu tiền sử dụng đất tại khu đô thị tập trung thị trấn Xuân Trường (điều tiết 100% ngân sách tỉnh) được sử dụng như sau:

- + Chi phục vụ công tác giải phóng mặt bằng của dự án;
- + Chi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thuộc dự án;
- + Số còn lại để chi đầu tư xây dựng các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn huyện và ưu tiên cho các công trình, dự án của thị trấn có đất bị thu hồi theo danh mục và kinh phí phân bổ cho các công trình, dự án được huyện thông qua.
- Thu tiền sử dụng đất tại các khu dân cư tập trung trên địa bàn các xã do UBND tỉnh quyết định đầu tư (điều tiết 100% ngân sách tỉnh) được sử dụng như sau:
 - + Chi cho giải phóng mặt bằng của dự án;
 - + Chi cho đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thuộc dự án;
 - + Số còn lại được coi là 100% và phân bổ như sau: Ngân sách tỉnh 30% để chi đầu tư xây dựng cơ bản các dự án, công trình do tỉnh quản lý. Cấp lại 70% để chi đầu tư xây dựng các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn huyện và ưu tiên cho các công trình, dự án của xã có đất bị thu hồi theo danh mục và kinh phí phân bổ cho các công trình, dự án được Hội đồng nhân dân huyện thông qua.

4.7. Đối với chi thường xuyên:

Trong năm 2019, căn cứ vào nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh và tình hình thực tế tại địa phương, ngân sách huyện sẽ cấp bổ sung cho ngân sách các xã, thị trấn, các cơ quan, ban, ngành liên quan, các đơn vị để thực hiện một số chế độ chính sách sau:

- + Kinh phí thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới;
- + Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ.
- + Kinh phí trợ cấp cho cán bộ, công chức được cử đi học sau Đại học theo quyết định của UBND tỉnh.
- + Kinh phí tặng Huy hiệu Đảng theo Quy định số 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016 của Ban chấp hành Trung ương.
- + Kinh phí mua sắm trang phục dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ, trang phục của lực lượng công an thường trực cấp xã.
- + Kinh phí chương trình mục tiêu: Hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách; kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi, kinh phí thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập...

5. Thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí:

5.1. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách:

Căn cứ dự toán ngân sách năm được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán chi theo chế độ, định mức chi ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo nguyên tắc:

- Các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội,...) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ ngân sách nhà nước. Tiếp tục tổ chức thực hiện việc chi trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương; Kho bạc Nhà nước phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trích nộp các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) kịp thời cho cơ quan Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật.

- Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa lớn và các khoản có tính chất không thường xuyên khác thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện theo chế độ quy định và trong phạm vi dự toán được giao.

5.2. Thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước đối với các nhiệm vụ chi sau:

a. Chi thường xuyên trong dự toán được giao của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thường xuyên được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các đơn vị được hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên theo quy định của pháp luật.

b. Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

- Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: Căn cứ dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được cấp có thẩm quyền giao, thông báo của cơ quan tài chính cấp trên và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, hàng tháng cơ quan tài chính huyện, xã chủ động rút dự toán tại Kho bạc nhà nước cấp huyện, trong đó:

+ Đối với khoản bổ sung cân đối từ ngân sách huyện cho ngân sách các xã, thị trấn mức rút dự toán hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/13 tổng mức bổ sung cân đối cả năm. Trường hợp cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch xem xét, quyết định.

+ Căn cứ giấy rút dự toán của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã, Kho bạc Nhà nước huyện kiểm tra các điều kiện: Đã có trong dự toán được giao, trong giới hạn rút vốn hàng tháng, sau đó hạch toán chi ngân sách cấp trên, thu ngân sách cấp dưới theo đúng nội dung khoản chi bổ sung và mục lục Ngân sách nhà nước.

- Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 tháng sau, Kho bạc Nhà nước huyện tổng hợp, báo cáo Phòng TC-KH huyện tình hình thực hiện rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của tháng trước khối lượng thực hiện theo chế độ quy định và trong phạm vi dự toán được giao. Trường hợp phát hiện các địa phương rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu không đúng quy định, Kho bạc

Nhà nước huyện có văn bản thông báo đến Phòng TC-KH huyện biết, đồng thời tạm dừng cho rút dự toán chi bổ sung cân đối, chi bổ sung có mục tiêu không đúng quy định.

6. Đối với ngân sách cấp xã:

Dự toán năm 2019 giao cho ngân sách cấp xã đã bao gồm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước và của tỉnh ban hành như: Kinh phí chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương; kinh phí để chi chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban chấp hành Trung ương; chi phụ cấp đại biểu và hoạt động của HĐND xã, thị trấn; kinh phí đảm bảo cho chi hoạt động thường xuyên của quản lý hành chính cấp xã; kinh phí đảm bảo tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương của cán bộ và công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ và theo định biên được UBND huyện giao; kinh phí chi phụ cấp, mua thẻ BHYT (4,5% mức lương cơ bản, tính hỗ trợ tăng 1,5% mức lương cơ bản so với quy định tại Nghị định 29/2013/NĐ-CP) của cán bộ không chuyên trách ở xã, thị trấn và thôn, xóm, tổ dân phố theo số lượng và mức chi tại Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 của UBND tỉnh và kinh phí trích nộp Bảo hiểm xã hội (14% mức lương cơ sở) cho cán bộ không chuyên trách ở xã, thị trấn theo Luật BHXH 2014; bố trí 100% kinh phí chi phụ cấp cho cán bộ là thường trực Mặt trận Tổ quốc, Ban thường vụ các đoàn thể chính trị cấp xã (phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, đoàn thanh niên); Trưởng ban công tác mặt trận, Bí thư chi đoàn, chi hội trưởng: Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân ở thôn (xóm), tổ dân phố theo Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22/9/2008 của Tỉnh uỷ, Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 08/12/2011, Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của HĐND tỉnh; kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ; điều chỉnh chế độ phụ cấp đối với lực lượng công an thường trực cấp xã; kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ; kinh phí do điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng đối với cán bộ kỹ thuật Ban nông nghiệp xã theo Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của UBND tỉnh; chi trợ cấp hàng tháng, mua thẻ BHYT và chi mai táng phí cho cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định 130-CP ngày 20/6/1975 và Quyết định 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng...

UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm theo dõi sát tình hình quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; kiểm soát tình hình công nợ, có biện pháp xử lý công nợ làm lành mạnh tình hình tài chính ngân sách xã. Kiên quyết không đầu tư mới các công trình khi chưa có nguồn vốn đảm bảo.

7. Các cấp các ngành phối hợp chặt chẽ tăng cường công tác thanh kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng ngân sách, tài sản Nhà nước ở các đơn vị thụ hưởng; đồng thời thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán

nhà nước. Đẩy mạnh công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra nhằm đảm bảo an ninh tài chính, thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước.

8. Các cấp, các ngành cần quan tâm, tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức về chuyên môn nghiệp vụ, nhất là nghiệp vụ về tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, đấu thầu; ứng dụng phần mềm vi tính phục vụ quản lý để cán bộ công chức cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ tốt thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 huyện Xuân Trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

1. Các chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ khách hàng

Để đánh giá chất lượng dịch vụ khách hàng, chúng ta cần dựa trên các tiêu chí sau đây:

- 1.1. Chất lượng dịch vụ khách hàng
- 1.2. Chất lượng sản phẩm
- 1.3. Chất lượng nhân viên
- 1.4. Chất lượng môi trường
- 1.5. Chất lượng giá cả

2. Các chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ khách hàng

2.1. Chất lượng dịch vụ khách hàng

2.2. Chất lượng sản phẩm

2.3. Chất lượng nhân viên

2.4. Chất lượng môi trường

2.5. Chất lượng giá cả